TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2023/DS-ST.
Ngày: 10-10-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Ông Võ Văn Thỏ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2023/TLST-DS, ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng B.

Địa chỉ: Tòa nhà C, số W đường T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

** Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn*: Ông Lê T, sinh năm 1990, là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền được xác lập ngày 28/3/2022 (Có mặt)

Số điện thoại liên lạc: 0988.452.953

Địa chỉ nhận thông báo của Tòa án: số U đường H, ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Trần D, sinh năm 1966 và bà Trịnh A, sinh năm 1969 (Đều vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã N, Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần N, sinh năm 1987 cùng vợ bà Phan B, sinh năm 1988. (Đều vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã N, Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/03/2022 cũng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê T trình bày:

Ông Trần D và bà Trịnh A có vay vốn của ngân hàng B chi nhánh S – Phòng giao dịch M (sau đây gọi tắt là ngân hàng) số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900315 ngày 25/12/2019 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 37B201900315/001 ngày 26/12/2019. Thỏa thuận cụ thể như sau: thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 26/12/2019; phương thức cho vay từng lần; kỳ hạn trả nợ gốc: Phân làm 16 kỳ trả nợ (03 tháng/kỳ), mỗi kỳ trả gốc 9.375.000 đồng cố định vào ngày 20 của tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên ngày 20/3/2020 và kỳ cuối trả hết số tiền còn lại vào ngày đáo hạn của hợp đồng tín dụng. Kỳ hạn trả nợ lãi: trả định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 20, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/03/2020, ngày trả nợ cuối cùng ngày 25/12/2023; mục đích sử dụng vốn: mua sắm đồ gia dụng; lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cho vay tiết kiệm 13 tháng + 5,7%/năm và lãi suất sẽ được ngân hàng tự động thực hiện điều chỉnh tăng 1,5%/năm; lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để đảm bảo khoản vay nêu trên thì ông Trần D và bà Trịnh A đã thế chấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất cụ thể gồm giấy chứng nhận QSD đất số CT 281168 do Sở T tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần D ngày 19/11/2019 đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 105, diện tích 1111,5m^2 tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận QSD đất số CT 281165 do Sở T tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần D ngày 19/11/2019 đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 56, diện tích 4427,9m^2 tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận QSD đất số CT 281170 do Sở T tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần D ngày 19/11/2019 đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 105, diện tích 190,3m^2 tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo hợp đồng thế chấp QSD đất số HDTC37B201900315 ngày 25/12/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì vợ chồng ông D, bà A đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng và phía ngân hàng cũng đã nhiều lần đến nhà đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn cũng như lập biên bản làm việc nhưng khách hàng vẫn không thanh toán nợ. Cụ thể ông D, bà A đã vi phạm khoản 9.2 Điều 9 tại hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900315 ngày 25/12/2019, khách hàng đã không thanh toán nợ từ ngày 20/9/2021. Quá trình tố tụng tại Tòa án phía bà A cũng đã hứa cho thời hạn để trả hết số nợ nhưng đến nay thì bà A chỉ gửi trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng vào ngày 12/8/2023 và không thanh toán nợ nữa.

Nay ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông Trần D và bà Trịnh A thực hiện trả nợ cho ngân hàng tổng số tiền 92.045.585 đồng (Chín mươi hai triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc khoản vay 53.749.894 đồng cùng với lãi trong hạn 17.704.622 đồng; lãi quá hạn 20.591.069 đồng. Và tiếp tục tính lãi cho đến ngày khách hàng thanh toán xong cho ngân hàng. Trường hợp vợ chồng ông D, bà A không thanh toán nợ hoặc thanh toán không hết

nợ cho ngân hàng thì đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm khoản vay theo hợp đồng thế chấp QSD đất số HDTC37B201900315 ngày 25/12/2019 để ưu tiên thanh toán nợ cho ngân hàng. Ngân hàng đồng ý bỏ ra nền mộ diện tích 330,9m^2 không kê biên, phát mãi.

2/ Bị đơn bà Trịnh A trình bày tại biên bản thẩm định ngày 01/6/2023 như sau:

Trong thời gian hai tháng kể từ ngày hôm nay (01/6/2023) sẽ tất toán hết vốn gốc và lãi trong hạn, quá hạn cho ngân hàng, cam kết không thực hiện cho đo tài sản trên đất.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan B trình bày ý kiến tại biên bản thẩm định ngày 01/6/2023 như sau:

Vợ chồng bà làm ruộng cho cha mẹ, không có ý kiến gì về việc canh tác đất, đất là của cha mẹ chồng.

4/ Bị đơn ông Trần D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần N không có ý kiến trình bày.

5/ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Người đại diện cho nguyên đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự; các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không tham gia phiên tòa lần thứ hai, không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ, hợp pháp của yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B. Buộc ông Trần D và bà Trịnh A trả cho Ngân hàng B tính đến ngày xét xử (ngày 10/10/2023) số tiền tổng cộng là số tiền 92.045.585 đồng trong đó nợ gốc 53.749.894 đồng, nợ lãi trong hạn 17.704.622 đồng, nợ lãi quá hạn 20.591.069 đồng.

Về xử lý tài sản thế chấp: Việc thế chấp tài sản đảm bảo quy định. Trường hợp ông Trần D và bà Trịnh A không thực hiện trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi thửa đất thế chấp số 5, thửa đất số 7, cùng tờ bản đồ số 105 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 56, đất cùng tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Ghi nhận ý kiến của người đại diện hợp pháp của ngân hàng bỏ ra diện tích nền mộ 330,9m^2 thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 56, không thuộc đối tượng thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Các bị đơn ông Trần D và bà Trịnh A cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần N, bà Phan B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Tại Tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt họ. Do đó HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người vừa nêu.

[2] Xét yêu cầu trả nợ vay của ngân hàng: Qua xem xét hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900315 ngày 25/12/2019 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 37B201900315/001 ngày 26/12/2019, thể hiện ông Trần D và bà Trịnh A có vay của Ngân hàng B chi nhánh S - Phòng giao dịch M số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thỏa thuận của hợp đồng như sau: Thời hạn vay 48 tháng, hạn trả nợ gốc 03 tháng trả một kỳ vào ngày 20 của tháng; nợ lãi được trả cùng kỳ với nợ gốc; trong hợp đồng cũng có thỏa thuận về mức lãi suất, điều chỉnh lãi suất theo quy định của ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông D, bà A đã nhiều lần vi phạm hợp đồng, không thực hiện đóng trả nợ cho ngân hàng như đã thỏa thuận từ ngày 20/9/2021 đến nay nên ngân hàng đã thông báo chuyển nợ quá hạn từ ngày 30/9/2021. Việc thỏa thuận vay tiền giữa Ngân hàng B và ông Trần D, bà Trịnh A là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự. Vợ chồng ông D không thực hiện trả nợ cho ngân hàng là vi phạm quy định tại Điều 4 của hợp đồng tín dụng ngày 25/12/2019 và các khoản 14, 15 của giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/12/2019 mà các bên đã ký kết. Cho nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà A trả nợ vay số tiền 92.045.585 đồng trong đó nợ gốc 53.749.894 đồng, nợ lãi trong hạn 17.704.622 đồng, nợ lãi quá hạn 20.591.069 đồng là đúng quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các điều Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp QSD đất số HDTC37B201900315 ngày 25/12/2019 để đảm bảo thu hồi khoản nợ theo quy định pháp luật.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B, ông Trần D, bà Trịnh A đã dùng tài sản của mình thế chấp cho ngân hàng B. Cụ thể, giấy chứng nhận QSD đất số CT 281168 do Sở T tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần D ngày 19/11/2019 đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 105, diện tích 1111,5m^2 tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận QSD đất số CT 281165 do Sở T tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần D ngày 19/11/2019 đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 56, diện tích 4427,9m^2 tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận QSD đất số CT 281170 do Sở T tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần D ngày 19/11/2019 đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 105, diện tích 190,3m^2 tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, hợp đồng thế chấp QSD đất, trình tự, thủ tục và thẩm quyền đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại Điều 167 của Luật đất đai năm 2013, Điều

299 Bộ luật Dân sự 2015, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong Hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Cho nên việc ngân hàng đề nghị kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nếu ông D, bà A không thực hiện trả nợ cho ngân hàng là có cơ sở được chấp nhận.

[4] Theo biên bản thẩm định tại chỗ, ngày 01/6/2023 Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định: Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 105, đất tọa lạc tại Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng có căn nhà của vợ chồng ông ông Trần D, bà Trịnh A, có kết cấu: tường dày 10, cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, mái lợp tol, trần lót la phong; Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 105 đất bỏ trống; thửa đất số 78 là đất ruộng, có một nền mộ diện tích 330,9m^2. Và trên đất thế chấp còn có một số cây trồng do vợ chồng ông D trồng. Tại tòa người đại diện hợp pháp của ngân hàng đồng ý chừa lại diện tích nền mộ 330,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 78 là phù hợp được HĐXX ghi nhận.

[5] Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 900.000 đồng, phía ông Trần D, bà Trịnh A phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do Ngân hàng B đã tạm ứng số tiền này nên ông Trần D, bà Trịnh A có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng B số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần D, bà Trịnh A phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền án phí được tính như sau: 92.045.585 đồng x 5% = 4.602.000 đồng. Ngân hàng B không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 299, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 167 của Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B về việc yêu cầu ông Trần D, bà Trịnh A trả nợ tín dụng.

Buộc ông Trần D, bà Trịnh A thanh toán cho Ngân hàng B tổng số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 10/10/2023) là số tiền 92.045.585 đồng (Chín mươi hai triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc 53.749.894 đồng, nợ lãi trong hạn 17.704.622 đồng, nợ lãi quá hạn 20.591.069 đồng.

Kể từ ngày 11/10/2023 cho đến khi ông Trần D, bà Trịnh A thanh toán hết nợ cho Ngân hàng B thì hàng tháng ông Trần D, bà Trịnh A còn phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HDTD37B201900315 ngày 25/12/2019 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 37B201900315/001 ngày 26/12/2019.

2/ Về xử lý tài sản thế chấp:

2.1/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần D, bà Trịnh A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ:

+ Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 105, diện tích 1111,5m^2 loại đất gồm đất ở đô thị diện tích 150m^2 và đất trồng cây lâu năm diện tích 961,5m^2 tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận QSD đất số CT 281168 do Sở T tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần D ngày 19/11/2019; Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 56, diện tích 4427,9m^2 tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận QSD đất số CT 281165 do Sở T tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần D ngày 19/11/2019 loại đất trồng cây lâu năm khác; Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 105, diện tích 190,3m^2 loại đất gồm đất ở đô thị diện tích 50m^2 và đất trồng cây lâu năm diện tích 140,3m^2 tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận QSD đất số CT 281170 do Sở T tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần D ngày 19/11/2019.

2.3/ Phần đất không được phát mãi khi xử lý tài sản thế chấp gồm: Nền mộ có diện tích 330,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định tài sản thế chấp:

3.1/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần D, bà Trịnh A phải chịu số tiền 4.602.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng).

Ngân hàng B không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.595.000đồng (*Hai triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006531, ngày 21/4/2023 của Chi cục T, Sóc Trăng.

3.2/ Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Ông Trần D, bà Trịnh A phải chịu 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) và có trách nhiệm hoàn trả số tiền 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) cho ngân hàng B.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Thị Vàng